

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 05-9-2022

V/v Tranh chấp

về hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hồ;

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Ông Phan Thái Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 10, đường Thiên Hộ D, khóm 2, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965;

Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1986.

Cùng ĐKTT: khóm An P, phường An A, thành phố H, Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ: khóm An P, phường An A, thành phố H, Đồng Tháp.

Ông Trần Văn S, sinh năm 1985

ĐKTT: khóm Trà Đ, phường An L, thành phố H, Đồng Tháp.

Địa chỉ: khóm An P, phường An A, thành phố Hồng Ngự, Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Bà Lưu Kim T, sinh năm 1959

Địa chỉ: khóm 1, phường An T, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Ngày 05/6/2021, ông Huỳnh Văn T cùng con gái là bà Huỳnh Thị Ngọc H và con rể là Ông Trần Văn S có đến nhà bà để vay số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày (hẹn đến ngày 05/7/2021 trả nợ), lãi suất là 0,65%/tháng, mục đích vay vốn là để đáo hạn ngân hàng. Để đảm bảo cho việc vay tiền thì ông T có giao cho bà giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02759 QSDĐ/1496/QĐUB-NĐ do UBND huyện Hồng Ngự cấp ngày 20/12/2011 cho ông Huỳnh Văn T đứng tên. Tuy nhiên đến hạn thanh toán thì ông T, bà H, ông S không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho bà. Do tình hình dịch bệnh kéo dài nên bà cũng không có điều kiện đến đòi nợ được. Đến ngày 08/10/2021, ông T gọi điện thoại nói với bà là do tình hình dịch bệnh khó khăn nên tiếp tục nhờ bà H và ông S đến nhà bà để vay thêm số tiền 36.000.000đồng, thời hạn vay là 30 ngày (hẹn đến ngày 08/11/2021 trả nợ), lãi suất là 0,65%/tháng, mục đích vay vốn là để đáo hạn ngân hàng. Bà đã làm biên nhận tổng số tiền qua hai lần vay là 186.000.000đồng, chứ phần vay thêm số tiền 36.000.000đồng thì không có làm biên nhận riêng. Tuy nhiên đến hạn thanh toán thì ông T, bà H, ông S không thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho bà. Nhiều lần bà yêu cầu ông T, bà H, ông S thanh toán trả nợ cho bà số tiền 186.000.000đồng và tiền lãi nhưng đến nay ông T, bà H, ông S vẫn chưa thanh toán nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và Ông Trần Văn S cùng liên đới trả cho bà tổng số tiền 190.550.000đ (Một trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng; Trong đó số tiền nợ gốc là 186.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 với lãi suất 0,65%/tháng là 4.550.000đồng).

Riêng đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Huỳnh Văn T đã giao cho bà thì bà không yêu cầu, không tranh chấp gì và bà cam kết khi nào ông T, bà H, ông S trả đủ cho bà số nợ trên thì bà tự nguyện thống nhất giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tỉnh.

- *Bị đơn ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và Ông Trần Văn S không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ghi địa chỉ của ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H là cùng thường trú ở ấp An L, xã An A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, cùng địa chỉ liên lạc ở khóm An T, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án xác định hộ khẩu

thường trú và địa chỉ của ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H là cùng địa chỉ khóm An P, phường An A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp nhưng Thẩm phán không thông báo yêu cầu nguyên đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện là chưa đúng với quy định tại Điều 193 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà N số tiền vay gốc còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 với lãi suất là 0,65% tháng x số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H và Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà N số tiền vay gốc còn nợ là 36.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 với lãi suất là 0,65% tháng x số tiền gốc là 36.000.000 đồng. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn T đã giao cho bà Nguyễn Thị N để làm tin vay tiền, hiện các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S, bà Lưu Kim T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S nhưng họ vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng bà Lưu Kim T có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H, ông S và bà Thanh.

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ghi địa chỉ của ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H là cùng thường trú ở ấp An L, xã An A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp, cùng địa chỉ liên lạc ở khóm An B, phường An L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án xác định hộ khẩu thường trú và địa chỉ của ông Huỳnh Văn T và bà Huỳnh Thị Ngọc H là cùng địa chỉ khóm An P, phường An A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2022 của bà Nguyễn Thị N thì bà N xác định ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S là đang ở cùng địa chỉ khóm An P, phường An A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp chứ không còn địa chỉ nào khác. Do đó, về

thủ tục tố tụng (tổng đạt) cho ông T, bà H, ông S là đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và Ông Trần Văn S cùng liên đới trả cho bà số tiền 190.550.000đ (Một trăm chín mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc là 186.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 với lãi suất 0,65%/tháng là 4.550.000đồng), không yêu cầu tính lãi phát sinh trở về sau. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Việc bà Nguyễn Thị N có cho ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S vay số tiền 150.000.000đồng vào ngày 05/6/2021 là có thật. Vì khi cho vay hai bên có làm biên nhận (Hợp đồng vay vốn). Trong đó có chữ ký tên, ghi họ tên và dấu vân tay của ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S (ghi trong biên nhận là Trần Thanh S).

- Đến ngày 08/10/2021, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S tiếp tục vay tiền của bà Nguyễn Thị N số tiền 36.000.000đồng. Bà H và ông S có ký biên nhận (Hợp đồng vay vốn) để vay số tiền 186.000.000đồng, đây là tổng cộng của số tiền vay lần đầu 150.000.000đồng và số tiền vay lần sau 36.000.000đồng.

- Nhưng mãi về sau ông T, bà H, ông S vẫn chưa trả nợ cho bà N, đến ngày 30/4/2022 bà H và ông S có làm tờ cam kết cho bà N với nội dung: Bà H, ông S cùng với cha bà Hạnh là ông Huỳnh Văn T có vay tiền của bà N, bà N có giữ giấy đất của ông T, bà N có cho vay số tiền 186.000.000đồng và cam kết đến ngày 07/5/2022 sẽ trả cho bà N. Trong đó số 186 và chữ ghi tám mươi sáu triệu có bôi xóa và sửa lại, ghi chồng số lên.

- Qua làm việc với bà Lưu Kim T, bà T xác định rằng, việc ông T, bà H, ông S vay tiền của bà N là có thật, lúc đầu vay số tiền 150.000.000đồng, còn số tiền 36.000.000đồng mà bà N cho rằng vay sau là tiền lãi, bà N tính lãi 36.000.000đồng, cộng với 150.000.000đồng mới thành 186.000.000đồng. Bà T xác định vào ngày 30/4/2022 bà H và ông S có ký tên và lấn tay vào tờ cam kết, ký tên sau khi bà T đã xóa số và sửa lại xong vì tờ cam kết là do bà viết và ghi số tiền sai nên bà N yêu cầu bà sửa lại, sau khi sửa lại xong thì bà H và ông S đồng ý nên ký tên, lấn tay vào tờ cam kết.

- Mặc dù thời điểm bà Nguyễn Thị N khởi kiện ông Huỳnh Văn T không có mặt ở địa phương nhưng ông T còn sống chung trong hộ khẩu của bà H và việc vay tiền của bà N thì ông T biết rõ mình phải có nghĩa vụ đối với bà N bằng việc ông T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T để bà N giữ làm tin.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Công an phường An Bình A xác nhận ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965 và bà Huỳnh Thị Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm An P, phường An A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, hiện nay 02 (Hai) nhân khẩu nói trên không có mặt tại nơi đăng ký thường trú. Công an phường An Lạc xác nhận Ông Trần Văn S có hộ khẩu thường trú ở khóm

Trà Đ, phường An L, thành phố H, Đồng Tháp nhưng hiện nay không có mặt ở địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Ngọc H có nhận được văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt là Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập để hòa giải (bà H có nhận văn bản tố tụng thay cho ông S vì ông S là chồng bà H) nhưng bà H và ông S không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng vào ngày 30/4/2022 bà H và ông S có làm tờ cam kết hứa trả tiền cho bà N với số tiền 186.000.000đồng.

- Bà Nguyễn Thị N cung cấp nhiều tấm hình chụp vợ, chồng, con của ông S, bà H tại nhà của bà Lưu Kim T, lúc làm tờ cam kết trả nợ cho bà Nguyễn Thị N vào ngày 30/4/2022. Điều này phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị N và bà Lưu Kim T.

- Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N cho rằng đối với số tiền 36.000.000đồng mà bà H và ông S vay sau thì ông Huỳnh Văn T không có vay số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền vay gốc. Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc 150.000.000đồng. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền gốc 36.000.000đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

- Đối với tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 với lãi suất 0,65%/tháng là 4.550.000đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh trở về sau. Hội đồng xét xử xét thấy phần tiền lãi bà Nguyễn Thị N yêu cầu như trên là phân ra hai phần cho phù hợp với trách nhiệm trả nợ của từng người. Cụ thể: Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 là 113 ngày, với lãi suất 0,65%/tháng (32.500đ/ngày) trên số tiền gốc 150.000.000đồng thành tiền là 3.672.500đồng. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022, là 113 ngày, với lãi suất 0,65%/tháng (7.800đ/ngày) trên số tiền gốc 36.000.000đồng thành tiền là 877.500đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 02/3/2022 trở về sau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn T thì bà Nguyễn Thị N tự nguyện trả lại cho ông Huỳnh Văn T khi ông T trả đủ tiền cho bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị N tại phiên tòa: Mặc dù Chủ tọa phiên tòa đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà N vẫn không giữ trật tự tại phiên tòa, không tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa và có ý định ngang nhiên bỏ đi về khi phiên tòa đang diễn ra là có ý thức xem thường pháp luật, là vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy do bà N không giữ được bình tĩnh nên không kiểm chế, điều chỉnh lời nói và hành vi của mình trong lúc nóng giận tức thời chứ chưa đến mức phải bị xử lý theo quy định tại

Điều 491 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử nhắc nhở bà Nguyễn Thị N để rút kinh nghiệm cho những lần sau nếu có tham gia phiên Tòa.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 150.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 là 3.672.500đồng. Tổng cộng là 153.672.500đ (Một trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H, Ông Trần Văn S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 36.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2021 đến ngày 01/3/2022 là 877.500đồng. Tổng cộng là 36.877.500đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn T thì bà Nguyễn Thị N tự nguyện trả lại cho ông Huỳnh Văn T khi ông T trả đủ tiền cho bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Trần Văn S có nghĩa vụ liên đới chịu 7.684.000đ (Bảy triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Trần Văn S có nghĩa vụ liên đới chịu 1.844.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 4.764.000đ (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 06506 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo